

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

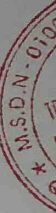
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết bị được thành lập theo quyết định 2357/QĐ/BTM ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển đổi Công ty Thiết bị thành Công ty Cổ phần Thiết bị; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011186 ngày 09 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 với mã số doanh nghiệp 0500233549 ngày 28/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Phạm Mạnh Kiếm	Ủy viên
Bà Lê Thị Nam Hà	Ủy viên
Bà Nguyễn Hồng Trang	Ủy viên
Bà Vũ Tường Vân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Mạnh Kiếm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Nam Hà	Phó Tổng Giám đốc	Nghi hưu từ 01/01/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Thị Liên Hồng	Trưởng ban
Bà Phạm Phương Lan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Số: 566/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

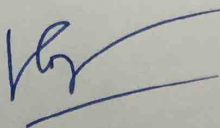
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.955.885.453	67.266.725.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.736.664.204	13.013.292.271
111	1. Tiền		8.736.664.204	13.013.292.271
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	1.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.331.184.652	51.749.762.528
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	31.903.150.281	50.203.931.117
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.591.416.400	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.043.311.445	2.579.664.535
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.206.693.474)	(1.033.833.124)
140	IV. Hàng tồn kho	8	64.312.377	969.864.491
141	1. Hàng tồn kho		171.242.572	1.083.173.501
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(106.930.195)	(113.309.010)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.823.724.220	33.805.715
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	142.828.197	5.681.400
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.680.896.023	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	28.124.315
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		95.912.765.488	40.741.831.749
220	II. Tài sản cố định		16.191.510.481	20.259.955.542
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.191.510.481	20.259.955.542
222	- Nguyên giá		52.108.500.980	56.828.169.715
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.916.990.499)	(36.568.214.173)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	13.745.168.675	14.080.416.692
231	- Nguyên giá		16.928.028.041	16.928.028.041
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.182.859.366)	(2.847.611.349)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		65.345.060.539	5.330.662.347
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	65.345.060.539	5.330.662.347
260	VI. Tài sản dài hạn khác		631.025.793	1.070.797.168
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	631.025.793	1.070.797.168
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		143.868.650.941	108.008.556.754

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		68.972.835.449	41.637.109.050
310	I. Nợ ngắn hạn		39.255.617.796	41.112.265.898
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.627.894.032	10.122.997.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		299.140.576	265.637.386
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.152.068.819	2.000.809.497
314	4. Phải trả người lao động		1.968.200.075	1.602.940.230
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	154.607.543	83.946.735
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	2.697.646.137	2.729.482.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	901.135.196	853.423.391
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	20.030.645.123	23.260.395.396
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		424.280.295	192.633.175
330	II. Nợ dài hạn		29.717.217.653	524.843.152
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	592.929.506	524.843.152
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	29.124.288.147	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		74.895.815.492	66.371.447.704
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	74.895.815.492	66.371.447.704
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		36.735.090.000	36.735.090.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.735.090.000	36.735.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.064.590	106.064.590
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		29.063.733.712	17.463.733.712
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.990.927.190	12.066.559.402
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		-	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.990.927.190	12.066.559.402
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		143.868.650.941	108.008.556.754




Hoàng Thị Liên Hồng
Người lập



Phạm Mạnh Kiểm
Kế toán trưởng

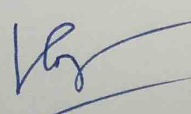




Vũ Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

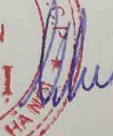
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	140.198.707.825	168.705.697.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.198.707.825	168.705.697.998
11	4. Giá vốn hàng bán	22	121.414.723.137	146.639.872.895
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.783.984.688	22.065.825.103
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.400.233.737	1.873.277.398
22	7. Chi phí tài chính	24	1.507.835.994	1.847.282.458
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.215.666.789	1.473.377.019
25	8. Chi phí bán hàng	25	1.946.712.065	2.301.146.298
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.095.496.357	4.700.987.644
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.634.174.009	15.089.686.101
31	11. Thu nhập khác	27	100.660.429	794.103.033
32	12. Chi phí khác	28	1.444.967.829	373.781.516
40	13. Lợi nhuận khác		(1.344.307.400)	420.321.517
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.289.866.609	15.510.007.618
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.298.939.419	3.443.448.216
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.990.927.190</u>	<u>12.066.559.402</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.448	3.285


Hoàng Thị Liên Hồng
Người lập


Phạm Mạnh Kiểm
Kế toán trưởng


Vũ Thanh Tùng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		173.396.440.199	177.136.185.356
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(138.286.790.494)	(127.725.550.579)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.791.403.376)	(7.066.780.500)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.215.894.996)	(1.491.688.992)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.743.448.216)	(3.343.540.071)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.951.429.146	832.336.411
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.073.574.185)	(21.466.389.812)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		23.236.758.078	16.874.571.813
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(55.465.295.610)	(2.895.284.383)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		89.030.000.000	(99.755.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.530.000.000)	99.685.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		562.751.683	2.319.680.736
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.402.543.927)	(645.603.647)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		131.833.678.135	108.743.464.452
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(105.939.140.261)	(121.810.779.420)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.790.000)	(9.211.720.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		25.888.747.874	(22.279.035.468)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

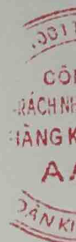
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.277.037.975)	(6.050.067.302)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.013.292.271	19.061.743.410
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		409.908	1.616.163
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>8.736.664.204</u>	<u>13.013.292.271</u>

Hoàng Thị Liên Hồng
Người lập

Phạm Mạnh Kiểm
Kế toán trưởng

Vũ Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị được thành lập theo quyết định 2357/QĐ/BTM ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển đổi Công ty Thiết bị thành Công ty Cổ phần Thiết bị; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011186 ngày 09 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 với mã số doanh nghiệp 0500233549 ngày 28/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 36.735.090.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 36.735.090.000 đồng; tương đương 3.673.509 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, các dây chuyền sản xuất và phụ tùng, nguyên vật liệu cho sản xuất.
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho tàng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	07-20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	44	năm
--------------------------	----	-----

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	148.246.000	165.297.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.588.418.204	12.847.995.271
	<u>8.736.664.204</u>	<u>13.013.292.271</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Thực phẩm và đồ uống Quốc tế	9.039.339.982	13.187.350.976
- Công ty TNHH Nhựa Á Đông	10.965.506.254	20.705.675.295
- Công ty CP Bánh mứt kẹo Bảo Minh	3.316.008.920	3.224.142.104
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Hòa An	4.437.532.146	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.144.762.979	13.086.762.742
	<u>31.903.150.281</u>	<u>50.203.931.117</u>

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH FUJITEC Việt Nam	2.037.116.400	-	-	-
Công ty TNHH Thăng máy thiết bị Thăng Long	1.554.300.000	-	-	-
	<u>3.591.416.400</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.932.757	-	69.678.032	-
Tạm ứng	95.848.200	-	120.668.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.005.320	-	1.413.663.517	-
Phải thu lãi chậm trả	499.916.612	-	510.457.930	-
Phải thu khác	419.608.556	-	465.197.056	-
	<u>1.043.311.445</u>	<u>-</u>	<u>2.579.664.535</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi(*) VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH An Phú Linh	540.432.249	540.432.249	540.432.249	540.432.249
- Công ty TNHH Nhựa Công nghiệp Mai Huy	951.801.750	951.801.750	986.801.750	986.801.750
	1.492.233.999	1.492.233.999	1.527.233.999	1.527.233.999

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ này được xác định dựa trên đánh giá của Ban giám đốc.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	171.242.572	(106.930.195)	1.083.173.501	(113.309.010)
	171.242.572	(106.930.195)	1.083.173.501	(113.309.010)

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Dự án Tổ hợp TTTM tại số 10 Trần Phú - Hà Đông(*)	65.264.137.812	5.249.739.620
- Dự án Khu đô thị Phú Lãm	80.922.727	80.922.727
	65.345.060.539	5.330.662.347

(*) Dự án đầu tư xây dựng "Tổ hợp thương mại, văn phòng cho thuê Machinco1" tại số 10 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội với tổng mức đầu tư khoảng 275 tỷ đồng và thời gian hoạt động 30 năm. Tổ hợp thương mại, văn phòng cho thuê Machinco 1 là tòa nhà 07 tầng nổi, 1 tầng hầm, được Công ty đầu tư bằng vốn tự có và vốn vay, với mục đích sử dụng là cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại. Dự án dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong quý 4/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Kim 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	48.795.786.725	4.882.515.879	3.010.810.190	139.056.921	56.828.169.715					
- Phá dỡ thanh lý	(4.719.668.735)	-	-	-	(4.719.668.735)					
Số dư cuối năm	44.076.117.990	4.882.515.879	3.010.810.190	139.056.921	52.108.500.980					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	31.418.219.384	3.817.925.997	1.225.221.368	106.847.424	36.568.214.173					
- Khấu hao trong năm	1.713.102.582	438.723.774	301.081.019	12.557.608	2.465.464.983					
- Phá dỡ, thanh lý	(3.116.688.657)	-	-	-	(3.116.688.657)					
Số dư cuối năm	30.014.633.309	4.256.649.771	1.526.302.387	119.405.032	35.916.990.499					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	17.377.567.341	1.064.589.882	1.785.588.822	32.209.497	20.259.955.542					
Tại ngày cuối năm	14.061.484.681	625.866.108	1.484.507.803	19.651.889	16.191.510.481					
<i>Trong đó:</i>										
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:					7.938.025.629					đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					13.549.064.035					đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Trung tâm thương mại Machinco 1 tại Km9 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đang được Công ty cho thuê và tính khấu hao trong vòng 44 năm. Nguyên giá của tòa nhà là 16.928.028.041 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/12/2016 là 3.182.859.366 đồng, khấu hao trong năm 2016 là 335.248.017 đồng. Bất động sản đầu tư này hiện đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng của Công ty.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.718.000	5.681.400
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	139.110.197	-
	142.828.197	5.681.400
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	96.776.534	69.241.875
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	481.247.750	869.088.031
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.001.509	132.467.262
	631.025.793	1.070.797.168

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
IEFI (FAR EAST)	-	-	3.750.884.320	3.750.884.320
ITOCHU Plastics	-	-	2.665.278.000	2.665.278.000
MARUBENI	-	-	1.483.744.500	1.483.744.500
Công ty ECOBA Việt Nam	4.914.141.953	4.914.141.953	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế XD Kinh doanh Nhà	1.222.650.000	1.222.650.000	-	-
Công ty CP Đại Tân Việt	1.524.765.000	1.524.765.000	-	-
Suzhou Fuji Lift	1.567.608.000	1.567.608.000	-	-
Tricon Dry	1.808.217.600	1.808.217.600	-	-
Phải trả các đối tượng khác	590.511.479	590.511.479	2.223.090.358	2.223.090.358
	11.627.894.032	11.627.894.032	10.122.997.178	10.122.997.178

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nợ đầu năm		Số phải nợ trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nợ cuối năm	
	VND		VND		VND	năm	VND	năm	VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		435.979.231		8.006.901.565		8.442.880.796		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	9.119.385		-		194.907.564		185.788.179		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.543.448.216		2.298.939.419		2.743.448.216		-		1.098.939.419	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		21.382.050		135.821.730		104.074.380		-		53.129.400	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	19.004.930		-		5.885.582.305		5.866.577.375		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		5.000.000		5.000.000		-		-	
	28.124.315		2.000.809.497		16.527.152.583		17.347.768.946		-		1.152.068.819	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	21.527.634	21.755.841
- Lương năng suất HĐQT không tham gia điều hành	51.153.000	-
- Chi phí phải trả khác	81.926.909	62.190.894
	<u>154.607.543</u>	<u>83.946.735</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Tiền cho thuê văn phòng, nhà xưởng nhận trước	2.697.646.137	2.729.482.910
	<u>2.697.646.137</u>	<u>2.729.482.910</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	66.124.440	36.344.240
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	784.968.294	805.406.689
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.882.462	11.672.462
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.160.000	-
	<u>901.135.196</u>	<u>853.423.391</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	592.929.506	524.843.152
	<u>592.929.506</u>	<u>524.843.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Kim 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	13.040.990.036	13.040.990.036	66.305.375.123	67.909.463.036	11.436.902.123	11.436.902.123
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng ⁽²⁾	10.219.405.360	10.219.405.360	36.404.014.865	38.029.677.225	8.593.743.000	8.593.743.000
	<u>23.260.395.396</u>	<u>23.260.395.396</u>	<u>102.709.389.988</u>	<u>105.939.140.261</u>	<u>20.030.645.123</u>	<u>20.030.645.123</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽³⁾	-	-	29.124.288.147	-	29.124.288.147	29.124.288.147
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29.124.288.147</u>	<u>-</u>	<u>29.124.288.147</u>	<u>29.124.288.147</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	29.124.288.147	29.124.288.147
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29.124.288.147</u>	<u>29.124.288.147</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016-HAN.KHDN- CPTB ngày 05 tháng 08 năm 2016, giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 - + Lãi suất cho vay: áp dụng cho từng Giấy nhận nợ của hợp đồng tín dụng theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi vay được trả từ ngày 26-30 hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là toàn bộ công trình phụ trợ được xây dựng tạo lập trên khu đất có diện tích 39306,7m² tại 124 phố Xóm, phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội;
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 404/2016-HĐTDHM/NHCT142 - MACHINCO1 ngày 02 tháng 08 năm 2016, giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/07/2016; Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng/ giấy nhận nợ.
 - + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 131/HDTCTS ngày 07/08/2014.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/DH/VCBHN-MACHINCO1 ngày 26 tháng 05 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 219,239 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan đến liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án "Tổ hợp thương mại, văn phòng cho thuê MACHINCO1;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Thời hạn trả gốc vay: Thời gian ân hạn là tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không quá 06 tháng kể từ thời điểm phát sinh doanh thu dự án. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời gian ân hạn, Ngân hàng sẽ lập lịch trả nợ gốc và thông báo lịch trả nợ đến Công ty;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,8%/năm, lãi suất sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là lãi suất cơ sở cộng mức biên;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tài sản, quyền tài sản hình thành trong tương lai từ dự án là công trình trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng cho thuê đang được xây dựng và tạo lập trên thửa đất tại số 10 đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; và các tài sản đảm bảo khác theo các hợp đồng thế chấp tài sản

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU
 a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	36.735.090.000	106.064.590	15.063.733.712	-	12.062.257.587	63.967.145.889				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.066.559.402	12.066.559.402				
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.400.000.000	-	(2.878.440.587)	(478.440.587)				
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.183.817.000)	(9.183.817.000)				
Số dư cuối năm trước	36.735.090.000	106.064.590	17.463.733.712	-	12.066.559.402	66.371.447.704				
Số dư đầu năm nay	36.735.090.000	106.064.590	17.463.733.712	-	12.066.559.402	66.371.447.704				
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.990.927.190	8.990.927.190				
Phân phối lợi nhuận	-	-	11.600.000.000	-	(12.066.559.402)	(466.559.402)				
Số dư cuối năm nay	36.735.090.000	106.064.590	29.063.733.712	-	8.990.927.190	74.895.815.492				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 331/NQ-DHĐCD ngày 27/05/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	12.066.559.402
Trích Quỹ đầu tư phát triển	96,13%	11.600.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,87%	466.559.402



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5%)	41,62%	15.290.430.000	41,49%	15.240.030.000
Các cổ đông khác	58,38%	21.444.660.000	58,51%	21.495.060.000
	100%	36.735.090.000	100%	36.735.090.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	36.735.090.000	36.735.090.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	36.735.090.000	36.735.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.735.090.000	36.735.090.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	9.183.817.000
	-	9.183.817.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.673.509	3.673.509
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.673.509	3.673.509
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.673.509	3.673.509
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.673.509	3.673.509
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.673.509	3.673.509
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	29.063.733.712	17.463.733.712
	29.063.733.712	17.463.733.712

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.725,53	1.751,93
- Đồng Euro (EUR)	179,46	190,38

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
	274.819.623	274.819.623

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	110.314.059.724	136.781.443.133
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.729.878.212	29.532.688.866
Doanh thu từ điện, nước của khách hàng thuê văn phòng	2.154.769.889	2.391.565.999
	140.198.707.825	168.705.697.998

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	106.536.527.979	132.437.121.513
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.785.494.538	11.892.833.287
Giá vốn từ điện, nước của khách hàng thuê văn phòng	2.099.079.435	2.325.636.261
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.378.815)	(15.718.166)
	121.414.723.137	146.639.872.895

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	518.006.408	565.021.187
Lãi bán hàng chậm trả	856.038.835	1.277.607.587
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.188.494	29.591.096
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.057.243
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	285
	1.400.233.737	1.873.277.398

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.215.666.789	1.473.377.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	249.887.216	368.459.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	42.281.989	-
Chi phí tài chính khác	-	5.446.415
	1.507.835.994	1.847.282.458

35 - C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TÊN TÀI
ASC
HỆM - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.178.635	37.795.308
Chi phí nhân công	1.435.178.214	1.571.912.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.912.216	662.842.850
Chi phí khác bằng tiền	50.443.000	28.595.364
	1.946.712.065	2.301.146.298

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.448.980	309.508.027
Chi phí nhân công	2.572.453.296	3.010.650.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.364.988	329.095.233
Thuế, phí, lệ phí	127.673.650	85.253.799
Chi phí dự phòng	172.860.350	493.400.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.696.703	293.231.522
Chi phí khác bằng tiền	147.998.390	179.848.124
	4.095.496.357	4.700.987.644

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thu được	99.969.926	793.946.511
Thu nhập khác	690.503	156.522
	100.660.429	794.103.033

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.239.343.715	-
Lãi chậm nộp tiền bán cổ phiếu	-	231.125.190
Chi phí loại trừ (Khấu hao+ phụ cấp HĐQT)	204.823.208	124.622.208
Các khoản bị phạt	7.276	17.304.620
Chi phí khác	793.630	729.498
	1.444.967.829	373.781.516

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.289.866.609	15.510.007.618
Các khoản điều chỉnh tăng	204.830.484	142.029.728
- Chi phí không được trừ	204.830.484	142.029.728
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.494.697.093	15.652.037.346
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.298.939.419	3.443.448.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.543.448.216	1.443.540.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.743.448.216)	(3.343.540.071)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.098.939.419	1.543.448.216

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.990.927.190	12.066.559.402
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.990.927.190	12.066.559.402
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.673.509	3.673.509
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.448	3.285

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.389.006.875	1.536.883.613
Chi phí nhân công	8.075.364.545	9.063.416.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.800.713.000	3.039.864.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.928.812.464	3.300.405.993
Chi phí khác bằng tiền	5.598.191.369	3.824.798.154
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	20.792.088.253	20.765.368.823

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.736.664.204	-	13.013.292.271	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.946.461.726	(1.206.693.474)	52.783.595.652	(1.033.833.124)
Các khoản cho vay	-	-	1.500.000.000	-
	41.683.125.930	(1.206.693.474)	67.296.887.923	(1.033.833.124)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			49.154.933.270	23.260.395.396
Phải trả người bán, phải trả khác			13.121.958.734	11.501.263.721
Chi phí phải trả			154.607.543	83.946.735
			62.431.499.547	34.845.605.852

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.736.664.204	-	-	8.736.664.204
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.739.768.252	-	-	31.739.768.252
	<u>40.476.432.456</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>40.476.432.456</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.013.292.271	-	-	13.013.292.271
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.749.762.528	-	-	51.749.762.528
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
	<u>66.263.054.799</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>66.263.054.799</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	20.030.645.123	29.124.288.147	-	49.154.933.270
Phải trả người bán, phải trả khác	12.529.029.228	592.929.506	-	13.121.958.734
Chi phí phải trả	154.607.543	-	-	154.607.543
	<u>32.714.281.894</u>	<u>29.717.217.653</u>	<u>-</u>	<u>62.431.499.547</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊKm 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	23.260.395.396	-	-	23.260.395.396
Phải trả người bán, phải trả khác	10.976.420.569	524.843.152	-	11.501.263.721
Chi phí phải trả	83.946.735	-	-	83.946.735
	34.320.762.700	524.843.152	-	34.845.605.852

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	110.314.059.724	29.884.648.101	140.198.707.825
Giá vốn từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	106.530.149.164	14.884.573.973	121.414.723.137
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.783.910.560	15.000.074.128	18.783.984.688
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	60.014.398.192
Tài sản bộ phận trực tiếp	33.940.535.373	14.656.735.498	48.597.270.871
Tài sản không phân bổ	-	-	95.271.380.070
Tổng tài sản	33.940.535.373	14.656.735.498	143.868.650.941
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	31.892.285.927	4.140.937.741	36.033.223.668
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	32.939.611.781
Tổng nợ phải trả	31.892.285.927	4.140.937.741	68.972.835.449

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hà Nội nên Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.293.062.000	1.463.008.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Bắc,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hoàng Thị Liên Hồng
Người lập



Phạm Mạnh Kiềm
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

